

Bản án số: 41/2020/HS-ST  
Ngày 25/9/2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lại Hồng Duy.

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Trương Văn Cường và bà Phạm Thị Hồng.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đinh Thế Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil tham gia phiên tòa:*** Ông Đinh Tiến Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 44/2020/HSST, ngày 14/9/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43a/2020/QĐXXST-HS, ngày 15/9/2020, đối với bị cáo:

Họ và tên: P, sinh năm 1992; tại tỉnh Đắc Nông. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại: thôn X, xã M, huyện M, tỉnh Đắc Nông. Nghề nghiệp: Làm nông. Trình độ học vấn: 06/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Thiên chúa giáo. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: L, sinh năm 1962, con bà T, sinh năm 1960 đồng trú tại thôn X, xã M, huyện M, tỉnh Đắc Nông. Bị can là con thứ nhất trong gia đình có 04 anh, chị, em.

***Tiền sự:*** Không.

***Tiền án:*** 03 tiền án về tội Trộm cắp tài sản và 01 tiền án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, cụ thể: Ngày 13/6/2013, Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Ngày 08/10/2013, Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắc Nông xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), tổng hợp hình phạt của cả 02 bản án là 02 năm 06 tháng tù. Ngày 01/9/2015, chấp hành xong hình phạt trở về địa phương sinh sống (*bị can chưa được xóa án tích*). Ngày 01/8/2016,

Toà án nhân dân huyện Đắk Mil xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 138 và tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Ngày 18/9/2019, chấp hành xong hình phạt.

*Biện pháp ngăn chặn được áp dụng:* Bị bắt, tạm giữ từ ngày 09/7/2020, sau đó chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ công an huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Chị L, sinh năm 1999, có mặt.

Địa chỉ: Thôn X, xã S, huyện M, tỉnh Đắk Nông.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh V, sinh năm 1985, vắng mặt.

Địa chỉ: TDP A, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Nông.

- Người làm chứng:

1. Anh C, sinh năm 1998, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn P, xã S, huyện M, tỉnh Đắk Nông.

2. Anh S, sinh năm 1997, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn X, xã M, huyện M, tỉnh Đắk Nông.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Vào khoảng 13 giờ 00 phút, ngày 07/7/2020, P đến tiệm cắt tóc L tại thôn P, xã S, huyện M, tỉnh Đắk Nông của chị L để cắt tóc. Sau khi cắt tóc xong, P phát hiện thấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 6s plus, màu hồng để ở trên tủ đựng đồ nên P nảy sinh ý định trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài. Lợi dụng lúc chị L không để ý, P lấy điện thoại di động nhãn Apple Iphone 6s plus bỏ vào túi quần rồi đi ra phía cửa sau của tiệm cắt tóc để ra về. Sau đó, P dùng điện thoại di động trộm cắp được gọi điện thoại cho anh C là tài xế xe taxi, rồi yêu cầu anh C chở đến tiệm điện thoại O thuộc TDP A, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Nông do anh V làm chủ. P bán điện thoại di động nhãn Apple Iphone 6s plus cho anh V được 2.500.000 đồng và sử dụng tiền tiêu xài cá nhân hết số tiền trên. Sau đó, hành vi của P đã bị cơ quan điều tra phát hiện triệu tập đến làm việc. Tại cơ quan điều tra, P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Kết luận định giá tài sản số 35/KL-HĐĐGTS ngày 13/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đắk Mil, kết luận: chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 6s plus, dung lượng 64Gb, màu hồng có giá trị là 4.400.000 đồng.

Bản cáo trạng số 42/CTr-VKS, ngày 14/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông đã truy tố bị cáo P về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 2 Điều 173 của Bộ Luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông đã phân tích, đánh giá tính chất vụ án, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo P về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584, 585 và Điều 589. Buộc bị cáo P phải bồi thường cho người bị hại số tiền 4,000,000 đồng. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan V không yêu cầu bồi thường nên không xem xét giải quyết.

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 6s plus, dung lượng 64Gb, màu hồng không thu giữ được nên không xem xét giải quyết

Tại phiên tòa, người bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 04 triệu đồng. Xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, vì nhà bị cáo cũng hoàn cảnh khó khăn.

Tại phiên tòa, bị cáo xin lỗi người bị hại, đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền 04 triệu đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập trong hồ sơ vụ án về hành vi trộm cắp tài sản của chị L. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 13 giờ 00 phút, ngày 07/7/2020, tại thôn P, xã S, huyện M, tỉnh Đắk Nông, lợi dụng sơ hở trong việc trông coi và quản lý tài

sản, P đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của chị L chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 6s plus, dung lượng 64Gb, màu hồng có giá trị là 4.400.000 đồng (*Bốn triệu bốn trăm nghìn đồng*). Như vậy, xét xử bị cáo P về tội “Trộm cắp tài sản” là không oan, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Bản án số 26/2013/HSST, ngày 13/6/2013 của Toà án nhân dân huyện Đắk Mil và Bản án số 37/2013/HSST, ngày 08/10/2013 của Toà án nhân dân huyện Krông Nô bị cáo chưa chấp hành xong về trách nhiệm dân sự. Bản án số 34/2016/HSST, ngày 01/8/2016 của Toà án nhân dân huyện Đắk Mil, bị cáo chấp hành xong hình phạt chính vào ngày 18/9/2019, đến ngày 07/7/2020, bị cáo tiếp tục có hành vi chiếm đoạt tài sản có giá trị là 4.400.000 đồng, ngoài ra bị cáo chưa chấp hành xong trách nhiệm dân sự và án phí. Bị cáo phạm tội trong thời gian chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết định khung là “*Tái phạm nguy hiểm*” được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Nên hành vi của bị cáo bị xét xử theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có cơ sở và đúng quy định pháp luật.

Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định:

*“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

*...*

*2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:*

*...*

*g) Tái phạm nguy hiểm.*

*.....”.*

[4] Hành vi của bị cáo đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo hộ, đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến dư luận xã hội, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo là công dân có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo thừa biết việc xâm phạm vào quyền sở hữu tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng với ý thức coi thường pháp luật, bản tính lười lao động lại muốn có tiền tiêu xài cá nhân. Bị cáo đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản có tổng giá trị 4.400.000 đồng, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội của mình.

[5] Nhân thân bị cáo: Ngày 13/6/2013, Toà án nhân dân huyện Đắk Mil xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 08/10/2013, Toà án nhân dân huyện Krông Nô xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 01/8/2016, Toà án nhân dân huyện Đắk Mil xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản và tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

[6] Tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Không có tình tiết tăng nặng quy định Điều 52 của Bộ luật hình sự. Bị cáo thành khẩn khai báo, tại phiên tòa bị cáo đã thực sự tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Tại phiên tòa, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Nên cần áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

[7] Xét quan điểm và đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên cần chấp nhận.

[8] Bị cáo P sống phụ thuộc vào cha mẹ, không có tài sản riêng. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584, 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại chị L số tiền 4.000.000 đồng.

[10] Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple loại Iphone 6s plus không thu giữ được nên không xem xét giải quyết.

[11] Vấn đề khác trong vụ án: Anh C là người chở bị cáo đi bán chiếc điện thoại di động và anh V là người mua lại chiếc điện thoại di động từ bị cáo, do không biết bị cáo trộm cắp được mà có nên không đề cập xử lý.

[12] Về án phí: Bị cáo P phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Áp dụng: Điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

2.1. Xử phạt: Bị cáo P 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 09/7/2020.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584, 585 và Điều 589 của Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị L 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng).

4. Về án phí HSST: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo P phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo toàn bộ bản án; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo những nội dung liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Kể từ ngày Bản án, Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

7. Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a,7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh ĐắkNông;
- Sở tư pháp tỉnh ĐắkNông;
- VKS ND huyện ĐắkMil;
- Đội điều tra Công an huyện ĐắkMil;
- Đội THAHS Công an huyện Đắk Mil;
- Bộ phận NVHS Công an huyện Đắk Mil;
- Chi cục THA DS huyện ĐắkMil;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(đã ký)**

**Lại Hồng Duy**

